

Bản án số: 109/2019/HS-PT

Ngày: 10/9/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các thẩm phán:

Ông Lại Anh Vân

Ông Trần Hữu Hiệu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hà- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019, do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

*** Các bị cáo kháng cáo:**

1. Phạm Ngọc S; sinh năm: 1986.

ĐKHKT và chỗ ở: đường Trần Hưng Đ, khu X, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phạm Ngọc T và bà Lê Thị L;

Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ là: Trần Thị H; Có 04 con, lớn sinh năm 2008; nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/9/2018 tại Trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương;

Có mặt tại phiên toà.

2. Trần Văn G; sinh năm: 1962.

ĐKHKT và chỗ ở: khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn B và bà Nguyễn Thị L;

Gia đình bị cáo có 8 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình.

Vợ là: Phạm Thị T; Có 02 con, con lớn sinh năm 1986; con nhỏ sinh năm 1990;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh;

Có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn Gi; S năm: 1990;

ĐKHKT và chỗ ở: khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn G và bà Phạm Thị T;

Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ hai;

Vợ là: Phạm Thị Ng; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015; con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh;

Có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Thị H; sinh năm: 1986;

ĐKHKT và chỗ ở: đường Trần Hưng Đ, khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn G và bà Phạm Thị T;

Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ nhất;

Chồng là: Phạm Ngọc S; Có 04 con, con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại kháng cáo:

- Ông Phạm Công Q, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 148 Đường Trần Hưng Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

Người bị hại kháng cáo và có đơn rút kháng cáo: Anh Phạm Công Qu, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 148 Đường Trần Hưng Đ, thị trấn N, huyện Nam N, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Phạm Công Q và gia đình bị cáo Phạm Ngọc S, Trần Thị H ở gần nhau nên phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Sáng ngày 28/5/2018, H dắt chó đi vệ sinh ở khu đất trống cạnh nhà ông Q thì gặp ông Q đang cầm dao tĩa cây trước cửa nhà, giữa H và ông Q xảy ra mâu thuẫn có lời qua tiếng lại. Trưa cùng ngày, H nói lại chuyện cãi nhau với ông Q cho em trai là Trần Văn Gi

nghe, Gi bảo: “bà cẩn thận không nó chém thật”. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, H gặp bố đẻ là Trần Văn G đang làm ở vườn, H kể lại chuyện mâu thuẫn của mình và ông Q xảy ra buổi sáng, H nói lúc sáng ông Q cầm dao dọa chém H, G bảo: “để tao ra nói chuyện với nó xem thế nào, hôm nay nó đe đánh, hôm khác nó đánh thật thì sao”. G cầm theo 01 con dao quắm (là loại dao có 01 lưỡi sắc, đầu dao nhọn cong) đang dùng làm vườn, mục đích mang đi để dùng khi đánh nhau. G nghĩ ông Q ở với hai con trai nếu đánh nhau thì yếu thế hơn nên đã gọi điện cho con trai Trần Văn Gi nói: “mày lên nhà chị H đi không bố con ông Q chém chết chị mày”, rồi mang theo con dao quắm đi xe máy tìm ông Q để nói chuyện. Sau khi nhận được điện thoại của G, Gi đang ngồi uống nước với anh Trần Văn D, Gi nói với D: “mày đi về nhà chị H với anh”, D đồng ý. Cả hai đi xe máy về nhà H. G đến trước cửa nhà ông Q thấy bên trong nhà chỉ có bà Nguyễn Thị L, chị Phạm Thị Thu Th là vợ và con gái ông Q, nên G đi thẳng về phía ngã ba Phú Nguyên nơi ông Q làm việc để tìm. Phạm Ngọc S, là chồng của H đang ở nhà sửa xe máy cùng cháu Lê Quang T thì H đi xe máy dừng trước nhà bảo: “anh S ơi cầm con quắm ra đây”. S lấy con dao quắm để trong nhà đi ra ngồi sau xe H chờ. Lúc này, Gi và D cũng đi đến nhà H. Khi thấy S mang theo dao ngồi sau xe H đi về phía ngã ba Phú Nguyên, Gi xác định đánh nhau với Q nên vào nhà S lấy 01 con dao loại dao bầu hàn chuôi bằng túyp sắt (phóng lợn) đưa cho D cầm rồi điều khiển xe đi theo H. Chị Th thấy bố con G mang dao tìm bố mình đã cùng anh trai là Phạm Công Qu đi theo. G đến chỗ làm của ông Q thấy đóng cửa nên cùng S, H, Gi, D quay lại đứng ở rìa đường trước cửa nhà H và nhà anh A (cạnh nhà H), Gi đưa D dao phóng lợn và bảo cất đi còn mình về nhà lấy 01 thanh đao sau đó quay lại để đánh nhau. D cầm dao phóng lợn để cạnh xe máy trước nhà anh A và đứng ở đó. S cầm dao đứng trước cửa nhà mình, G lấy dao quắm để trên xe máy rồi gài sau lưng, H cũng ra đứng cùng G. Khi thấy ông Q đi xe đạp về nhà, G đưa tay định rút dao lao sang thì H cản lại nên G quay lại, H và G đứng chửi nhau với ông Q. Sau đó có Tr, Qu và chị Th về cùng đứng chửi nhau với G và H. Lúc này, Gi đi xe máy đến và cầm theo 01 thanh đao đến rồi cùng với G, H chửi nhau với nhà ông Q, anh Tr nói: “có giỏi bỏ dao sô lô 1 đầu 1”, ý Tr bảo những người nhà G bỏ dao đánh nhau với những người nhà mình, mỗi người đánh nhau với một người. H bảo “có giỏi thì sang đây”, G lấy dao quắm gài sau lưng chạy về phía bố con ông Q đang đứng và vung dao định chém anh Tr. Thấy vậy, S cầm dao quắm, Gi rút đao khỏi vỏ để lao sang đánh nhau thì ông Q, anh Qu chạy vào trong nhà, anh Tr chạy sang nhà bên cạnh rồi quay lại vào trong nhà mình. H thấy G cầm dao chạy lao về phía nhà ông Q đã chạy theo kéo G về lại trước cửa nhà mình, Gi, S thấy thế cũng đứng về phía rìa đường trước cửa nhà H. Sau khi vào trong nhà, ông Q lấy 01 thanh túyp sắt rồng đường kính 2,1 cm, dài 1,07m, Qu và Tr mỗi người lấy 01 thanh túyp sắt rồng hình chữ nhật đều có kích thước cạnh 3 x 1,5 cm và dài 1,6 m rồi cả ba đi ra trước cửa nhà mình. Khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, ông Q đi trước, anh Qu và anh Tr đi sau. Ông Q chỉ tay về phía nhà H và nói: “đánh nhau cẩn thận dao kiếm nhà nó”, nói xong, cả ba người cầm túyp sắt lao về phía nhà H. Phía bên đường nhà H, G cầm dao quắm, S cầm dao quắm, H lấy dao “phóng lợn”, còn Gi

cầm dao để sẵn sàng đánh nhau với gia đình ông Q. Hai bên tiến ra giữa đường Trần Hưng Đạo trước cửa nhà H và nhà ông Q đánh nhau. Ông Q ra giữa đường Trần Hưng Đạo theo ngay sau là Qu và Tr. Ông Q đối mặt với S thì cầm túyp sắt vụt ngang từ trái qua phải và từ phải qua trái nhưng không trúng S. Lúc này, S quay sang đánh nhau với Qu ở phía trái ông Q. Qu cầm túyp sắt vụt S nhưng không trúng thì bị S cầm dao bằng tay phải lao vào chém 1 nhát vào tay trái Qu, sau đó, S cầm dao chém tiếp 1 nhát vào vùng đầu Qu rồi quay lại tiếp tục đánh nhau với ông Q. Ông Q vụt không trúng S thì quay sang đánh nhau với Gi. Ông Q hai tay cầm túyp sắt vụt ngang từ phải qua trái không trúng Gi thì tiếp tục vụt 1 nhát từ trái qua phải trúng cẳng tay phải của Gi đang cầm dao. Gi cầm dao chém lại nhưng không trúng thì lùi lại. Khi hai bên lao vào đánh nhau, H cầm dao “phóng lộn” đối mặt với anh Tr để đánh nhau với Tr, G thấy thế vút dao quắm xuống đường, giằng lấy dao “phóng lộn” H đang cầm và kéo H lại phía sau. G đối mặt với Tr thì bị Tr hai tay cầm túyp sắt vụt ngang từ phải qua trái, đầu túyp sượt má trái G. Thấy thế, Gi lao vào, cùng G đuổi đánh Tr chạy về phía cầu Gổ (hướng UBND huyện N). H thấy bố vút dao quắm xuống đường đã cầm lấy dao quắm đứng về phía trước cửa nhà cạnh nhà mình để hỗ trợ S. Sau khi chém Qu, S cầm dao quắm bằng tay phải lao vào ông Q và chém từ trên xuống trúng vùng má trái ông Q rồi chém tiếp từ phải qua trái trúng vào gáy ông Q. S lùi lại khoảng 2 mét, ông Q cầm túyp sắt bằng hai tay vụt một nhát về phía S, S giơ tay trái lên đỡ thì đầu túyp sắt trúng vào cẳng tay trái của S. S tiếp tục lao vào ông Q thì bị ông Q dùng túyp vụt từ trên xuống trúng vào cổ bên trái S, đồng thời S dùng tay phải cầm dao quắm chém lại trúng tay phải ông Q. S tiếp tục cầm dao chém ông Q nhưng không trúng, khiến ông Q lùi ngã ra đường. S vẫn tiếp tục lao đến thì ông Q giơ chân lên bị S cầm dao bằng tay phải chém trúng cổ chân trái. Lúc này, chị Thủy đứng trước cửa nhà thấy bố bị chém thì chạy ra can thì S chạy về phía cầu Gổ cùng G đánh nhau với Tr. Sau khi bị chém, ông Q đứng dậy sờ má thấy chảy máu và thấy Gi quay lại đến trước nhà chị H thì tiếp tục định lao vào đánh nhau nhưng được ông Phạm Công T vào can ngăn. Ông Q quay sang H đang đứng trước nhà anh A (cạnh nhà H). Ông Q cầm túyp sắt bằng hai tay vụt 01 phát từ trên xuống, phần đầu túyp sắt trúng ngực trái H. Ông Q tiếp tục vụt H 1 nhát nữa nhưng không trúng. Gi thấy ông Q đánh chị gái liền cầm dao lao vào ông Q thì bị ông Q cầm túyp sắt vụt từ trên xuống đầu túyp sắt trúng vùng trán đỉnh trái Gi, Gi lùi lại. Ông Q lùi lại phía giữa đường. G đuổi đánh Tr về phía cầu Gổ cách nhà H khoảng 30-40 mét thì Tr cầm túyp sắt vụt ngang từ phải qua trái trúng bả vai trái G. Khi thấy S cầm dao chạy đến thì Tr tiếp tục bỏ chạy, S thấy vậy chạy quay lại về phía ông Q. Sau khi ông Q đánh nhau với Gi thì lui ra giữa đường. Ông Q thấy S cầm dao quắm lao vào mình thì cầm túyp sắt bằng hai tay vụt một nhát từ phải qua trái vào vai bên trái S. Đồng thời, S cầm dao quắm bằng tay phải chém trúng tay trái ông Q. G cầm dao “phóng lộn” quay lại thấy S đánh nhau với ông Q thì chém một nhát từ trên xuống về phía ông Q nhưng không trúng. Quá trình hai bên đánh nhau, sau khi Qu bị S chém thì bị choáng ngồi ở rìa đường trước quán Family, khi thấy S

đánh nhau với ông Q thì Qu chạy ra cầm túyp sắt vut S 1 nhát nhưng không trúng, do vết thương đau nên Qu đi về phía cửa nhà mình ngồi không. Trong khi Tr bỏ chạy thấy không bị đuổi đánh nữa thì cầm túyp sắt đi từ phía cầu Gõ quay lại, Gi thấy thế, cầm dao lao ra giữa đường cách nhà H khoảng 15 mét chặn thì bị Tr cầm túyp sắt hai tay vut từ trên xuống, Gi cúi người giờ tay trái đỡ thì túyp sắt vut trúng tay trái Gi. Gi cầm dao chém lại không trúng, Tr tiếp tục bỏ chạy. Lúc này nhiều người ra can ngăn nên hai bên không đánh nhau nữa và ông Q, Qu, S, Gi được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 140/TgT ngày 11/7/2018 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, kết luận đối với thương tích của ông Phạm Công Q: Thương tích: Vùng má trước vành tai trái có sẹo vết thương KT 5,5x0,1 đến 0,2cm phẳng, mềm. Vùng thái dương trước vành tai, dải tai trái có sẹo vết thương KT 8x0,1 đến 0,15cm. Hai vết này giao nhau ở trước nắp tai, phần giao nhau có sẹo vết thương KT 2x1cm phẳng, mềm, không ảnh hưởng thẩm mỹ. Vùng cổ trái phía sau giáp chân tóc có sẹo vết thương KT:1,6x0,3cm mềm, phẳng, không ảnh hưởng vận động. Vùng mặt khuỷu tay trái có sẹo vết thương KT: 6,2x0,5cm mềm, phẳng, không ảnh hưởng vận động. Mặt trước ngoài 1/3 dưới cẳng tay phải có sẹo vết thương KT: 4,5x0,1cm phẳng, không ảnh hưởng vận động. Mặt trước 1/3 dưới cẳng chân trái có sẹo vết thương KT: 1x0,2cm phẳng, không ảnh hưởng vận động. Mặt trước dải tai trái có sẹo vết thương KT: 1,3x0,1cm. Kết luận: Nhiều sẹo (6 sẹo) vết thương phần mềm vùng má trước vành tai trái, thái dương trái, dải tai trái, cổ sau trái, kích thước lớn và nhỏ. Được xác định tổn thương cơ thể là 10%. Vết thương cẳng tay phải gây đứt gân gấp ngón I bàn tay phải. Hiện để lại sẹo vết thương kích thước trung bình, không ảnh hưởng vận động. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%. Các tổn thương trên có đặc điểm do vật sắc gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13% (mười ba phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y số 141/TgT ngày 11/7/2018 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, kết luận đối với thương tích của Phạm Công Qu: Thương tích: Vùng trán đỉnh trái có sẹo vết thương KT 4,5 x 0,1cm mờ, phẳng. Mặt trước 1/3 giữa trên cẳng tay trái có sẹo vết thương hình cung KT:16x0,1 đến 0,2 cm mềm, phẳng, vận động cổ tay và các ngón tay hạn chế ít. Kết luận: Vết thương vùng đỉnh trái gây vỡ xương trán trái, lọt khí nội sọ. Hiện vỡ cũ xương trán trái dài 12mm, điện não đồ không có ổ tổn thương cơ thể tương ứng, để lại sẹo vết thương kích thước trung bình. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 08%. Vết thương phần mềm 1/3 giữa trên cẳng tay trái gây đứt cơ duỗi cổ tay trụ, cơ duỗi chung các ngón, đã mổ xử lý. Hiện để lại sẹo kích thước lớn, hạn chế vận động cổ tay và các ngón tay mức độ ít. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra: 14%. Các tổn thương trên có đặc điểm do vật sắc gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 21% (Hai mươi một phần trăm)

Bản án Hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 12/4/2019 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc S, Trần Văn G, Trần Văn Gi, Trần Thị H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo S, G, Gi, H. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc S **5 năm 6 tháng** (*Năm năm sáu tháng*) tù, thời gian tính từ ngày tạm giam 07/9/2018.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn G **5 năm 3 tháng** (*Năm năm ba tháng*) tù, thời gian tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Gi **5 năm** (*Năm năm*) tù, thời gian tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H **36** (*Ba mươi sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 (*Năm*) năm kể từ ngày tuyên án 12/4/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo S, G, Gi, H phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Công Q Tổng số bằng 23.234.000đ. Chia theo phần các bị cáo phải bồi thường cho ông Q như sau: bị cáo S phải bồi thường 9.296.000đ (*Chín triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn*), bị cáo G phải bồi thường: 4.646.000đ (*Bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn*), bị cáo Gi phải bồi thường 4.646.000đ (*Bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn*), bị cáo H phải bồi thường 4.646.000đ (*Bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn*).

- Buộc bị cáo S, G, Gi, H phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Phạm Công Qu Tổng số tiền bằng 151.810.000đ (*Một trăm năm mươi một triệu tám trăm mười nghìn đồng chẵn*) (đã làm tròn). Chia theo phần các bị cáo phải bồi thường cho anh Qu như sau: bị cáo S phải bồi thường 60.724.000đ (*Sáu mươi triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn*), bị cáo G phải bồi thường: 30.362.000đ (*Ba mươi triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn*), bị cáo Gioóng phải bồi thường 30.362.000đ (*Ba mươi triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn*), bị cáo H phải bồi thường 30.362.000đ (*Ba mươi triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn*).

Xác nhận các bị cáo S, G, Gi, H mỗi bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ (*Mười triệu đồng chẵn*) (Theo biên lai thu số AA/2011/06136, AA/2011/06137, AA/2011/06138, AA/2011/06139 ngày 09/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách), còn phải bồi thường số tiền còn lại.

Ngoài ra bản án còn quyết định lãi suất chậm trả, án phí, vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2019 bị cáo G và bị cáo Gi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xem xét lại trách nhiệm dân sự.

Ngày 27/4/2019 bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/4/2019 bị cáo S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường.

Ngày 28/4/2019 người bị hại ông Phạm Công Q và anh Phạm Công Qu kháng cáo tăng hình phạt và tăng bồi thường đối với các bị cáo, đề nghị xem xét về hành vi khác của các bị cáo.

Ngày 9/9/2019 anh Qu có đơn xin rút kháng cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo về phần hình phạt. Về phần trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bồi thường theo bản án sơ thẩm, tự nguyện bồi thường tại phiên tòa. Bị cáo S có quan điểm cho rằng trong quá trình điều tra bị cáo đã bị Cơ quan điều tra ép cung, đồng thời cùng 1 sự việc nhưng cơ quan Điều tra của Công an huyện N lại tách thành hai vụ án hình sự là không đúng.

Người bị hại ông Phạm Công Q có quan điểm: Không nhận sự bồi thường của các bị cáo, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm hình sự đề nghị xử đúng người đúng tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “ Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa bị cáo G tự nguyện bồi thường toàn bộ trách nhiệm dân sự thay cho các bị cáo khác. Các bị cáo H, S, Gi đồng ý để bị cáo G bồi thường thay, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo G, Gi, S, giảm cho bị cáo S, Gi mỗi bị cáo 3 tháng tù. Đối với bị cáo G là người không trực tiếp gây thương tích cho ông Q, anh Qu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo G 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Công Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng:

1.1. Ngày 28/4/2019 anh Qu có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường đối với các bị cáo. Tuy nhiên Ngày 9/9/2019 anh Qu có đơn xin rút kháng cáo, do vậy căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm với nội dung kháng cáo của anh Qu.

1.2. Xem xét ý kiến của bị cáo Phạm Ngọc S, Hội đồng xét xử thấy, tại phiên tòa bị cáo S không xác định được chữ ký trong các bản tường trình và các biên bản lấy lời khai có phải của bị cáo hay không. Bị cáo cũng không chứng minh được về việc mình bị ép cung trong quá trình khai báo tại Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, người tham gia tố tụng khác không khiếu nại

các quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó không có căn cứ xác định cơ quan tiến hành tố tụng có hành vi vi phạm tố tụng.

1.3. Các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Q và anh Qu, do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với S, G, Gi, H về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự đúng quy định. Đối với ông Q, anh Qu, anh Tr có hành vi gây thương tích 2% cho S và Gi, do S, Gi có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án Hình sự, khởi tố bị can đối với Q, Qu, Tr trong vụ án khác là đúng quy định của pháp luật. Không có quyết định tách vụ án như bị cáo S trình bày.

2. Về nội dung:

2.1 Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 28/5/2018, tại khu vực trước cửa nhà số 148 đường Trần Hưng Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, do mâu thuẫn từ trước, Phạm Ngọc S cùng Trần Văn G, Trần Văn Gi và Trần Thị H sử dụng dao quả, dao phông lợn, dao bằng kim loại đánh nhau với ông Phạm Công Q, anh Phạm Công Tr và anh Phạm Công Qu. Hậu quả gây thương tích cho ông Phạm Công Q với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%; anh Phạm Công Qu bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21%. Do vậy các bị cáo bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

2.2 Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc S, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này bị cáo S là người có vai trò tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho ông Q và anh Qu, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định S giữ vai trò chính và phải chịu hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác là có căn cứ. Tuy nhiên xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực bồi thường cho người bị hại. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp tiếp số tiền bồi thường 1.500.000 đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự và đồng ý để bị cáo G tiếp tục bồi thường cho người bị hại, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

2.3 Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn Gi, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù bị cáo Gi không trực tiếp gây thương tích cho ông Q và anh Qu, tuy nhiên bị cáo là người tích cực tham gia khi đánh nhau với gia đình ông Q. Do vậy để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên cũng như bị cáo S, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực bồi thường cho người bị hại. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp 1.500.000đ tiền bồi thường trách nhiệm dân sự tại Cơ quan thi hành án và đồng ý để bị cáo G tiếp tục bồi thường phần trách nhiệm dân sự, nên có căn cứ giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

2.4. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị H: Trong vụ án này mặc dù bị cáo H là người không trực tiếp gây thương tích cho ông Q và anh Qu, nhưng có những lời nói, chửi bới thách thức gia đình ông Q. H còn bảo S cầm dao quắm để đến nói chuyện với ông Q và là người cầm dao phóng lộn mục đích hỗ trợ cho S, nên là đồng phạm tích cực trong vụ án. Do khi phạm tội bị cáo đang có thai, cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

2.5. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn G, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo G không trực tiếp gây thương tích cho ông Q và anh Qu nhưng có hành vi tham gia tích cực cùng với S, Gi, H đánh nhau với ông Q, anh Qu, Tr. Do vậy bị cáo được xác định là đồng phạm trong vụ án. Xét thấy, trong vụ án này người bị hại cũng có lỗi 1 phần. Bị cáo G sau khi phạm tội đã ăn năn, hối cải, tích cực bồi thường. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tiếp tục bồi thường số tiền 1.500.000 đồng và bồi thường tiếp 125.000.000 đồng cho người bị hại, trong đó bao gồm cả phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo khác, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm một phần trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

[2.5]. Xét kháng cáo của ông Phạm Công Q: Ông Q kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo và tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, do các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nên không có căn cứ tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này cấp sơ thẩm đã chấp nhận các yêu cầu bồi thường của ông Q đối với các khoản chi phí điều trị, tiền xe đi điều trị tại các bệnh viện theo hóa đơn đã cung cấp; Tiền ăn uống thời gian điều trị những khoản không có hóa đơn bằng 1.000.000đ/tháng/1 người; thu nhập bị mất đối với ông Q là 300.000đ/ngày x với thời gian đi điều trị, Thu nhập bị mất của người chăm sóc là 200.000đ/ngày tương ứng với thời gian phải nằm điều trị tại bệnh viện; Tiền tổn thất về tinh thần là 3.090.000đ là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác trong vụ án này, ông Q là người có lỗi một phần nên phải chịu một phần trách nhiệm dân sự. Do vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Q.

Theo quyết định của bản án sơ thẩm tổng số tiền mà các bị cáo phải bồi thường cho ông Q là 23.234.000đ, bồi thường cho anh Qu là 151.810.000đ. Tổng là 175.044.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm các bị cáo S, G, Gi, H mỗi bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng. Ngày 25/7/2019 mỗi bị cáo tiếp tục bồi thường 1.500.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Ngày 10/9/2019 bị cáo G tự nguyện nộp số tiền bồi thường là 125.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông Q và anh Qu là 171.000.000 đồng. Xác

định các bị cáo đã bồi thường xong số tiền 23.234.000đ cho ông Q. Đã bồi thường cho anh Qu 147.766.000 đồng, còn phải liên đới bồi thường tiếp cho anh Qu 4.044.000 đồng. Chia theo phần. Bị cáo S phải bồi thường 1.044.000 đồng; Bị cáo G, Gi, H mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho anh Qu 1.000.000 đồng.

Các nội dung khác Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo S, G, Gi không phải chịu án phí phúc thẩm.

Người bị hại kháng cáo không được chấp nhận về phần dân sự nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông Q là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc S, Trần Văn G, Trần Văn Gi. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị H. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Công Q. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc S, Trần Văn G, Trần Văn Gi như sau:

Áp dụng: điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo S, G, Gi. Áp dụng thêm khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo G.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc S **05 (Năm)** năm **03 (Ba)** tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian tính từ ngày tạm giam 07/9/2018.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Gi **04 (Bốn)** năm **09 (Chín)** tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn G **36 (ba mươi sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “ Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38, Điều 54, khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H. Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo H:

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H **36 (Ba mươi sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/4/2019 về tội “Cố ý gây thương tích”.

Giao bị cáo H, G cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc

người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo S, H, Gi, G đã bồi thường cho ông Q, anh Qu tổng số tiền 171.000.000 đồng (Theo các biên lai thu số AA/2011/06136, AA/2011/06137, AA/2011/06138, AA/2011/06139 ngày 09/4/2019; Biên lai thu số AA/2011/06155, AA/2011/06156, AA/2011/06157, AA/2011/06158 ngày 25/7/2019; Biên lai thu số AA/2011/06162 ngày 10/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N). Các bị cáo đã bồi thường xong cho ông Q 23.234.000 đồng, đã bồi thường cho anh Qu số tiền là 147.766.000 đồng, còn phải liên đới bồi thường tiếp cho anh Qu số tiền 4.044.000 đồng. Chia theo phần. Bị cáo S phải bồi thường 1.044.000 đồng; Bị cáo G, Gi, H mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho anh Qu 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát S do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

-Áp dụng Điều 342 Bộ luật tố tụng Hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Công Qu.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc S, Trần Văn G, Trần Văn Gi và người bị hại là ông Phạm Công Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Công Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện N
- VKSND huyện N
- CQCSĐT Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

